



TLT VIỆT NAM
MST: 0107520957



www.congtytltvietnam.com.vn

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG
MẠI TLT VIỆT NAM
VIET NAM TLT PRODUCTION AND
TRADING COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Số 03, ngõ 1126, đường Nguyễn
Khoái, Phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà
Nội, Việt Nam.

Web: <https://www.congtytltvietnam.com.vn>

E-mail: sales.tltvietnam@gmail.com

SINCE

2016

BĂNG DÍNH BĂNG KEO

Cung cấp các loại
băng dính, băng keo
hiện có trên thị
trường.



VIET NAM TLT PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED



TLT – Giải Pháp Đóng Gói Toàn Diện & Chất Lượng Cao Cho Doanh Nghiệp.
Chúng tôi chuyên sản xuất và cung cấp *Băng keo, băng dính, màng PE, băng dính in logo theo yêu cầu.*

Với hơn 9 năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất vật liệu đóng gói, TLT tự hào là đối tác chiến lược tin cậy của hàng trăm doanh nghiệp sản xuất, logistics và thương mại trên toàn quốc. Sở hữu hệ thống nhà xưởng hiện đại quy mô **3.000 m²** cùng năng lực cung ứng vượt trội lên đến **1.000 tấn sản phẩm/tháng**, chúng tôi đáp ứng nhanh chóng mọi đơn hàng lớn với tiến độ chuẩn xác và chi phí tối ưu.

Hệ sinh thái sản phẩm chủ lực tại TLT:

- **Băng dính, băng keo siêu dính:** Đa dạng chủng loại từ băng keo trong/đục, băng dính 2 mặt, băng keo giấy, băng dính xi, băng dính màu cho đến các dòng chuyên dụng như băng dính điện. Sản phẩm sở hữu độ bám dính vượt trội, chịu lực tốt, ứng dụng linh hoạt trong đóng gói, logistics, cơ điện và công nghiệp nặng.
- **Băng dính in logo thương hiệu:** Giải pháp nhận diện chuyên nghiệp, giúp doanh nghiệp nâng tầm giá trị thương hiệu trực quan trên từng kiện hàng, đồng thời niêm phong chống bóc mở trái phép.
- **Màng PE quấn Pallet cao cấp:** Độ dẻo dai và co giãn tối ưu, chống thấm nước, kháng bụi bẩn và chống ẩm mốc hiệu quả; cố định vững chắc hàng hóa, giảm thiểu tối đa rủi ro va đập trong quá trình lưu kho và vận chuyển.

Bảo chứng chất lượng chuẩn quốc tế:

Mọi sản phẩm của TLT đều trải qua quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, đạt các chứng nhận quốc tế khắt khe: **SGS, ASTM, MSDS, RoHS** – an toàn tuyệt đối cho người dùng và đủ điều kiện xuất khẩu sang các thị trường khó tính. Toàn bộ quy trình vận hành và sản xuất được quản lý theo tiêu chuẩn **ISO 9001:2015** do Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận.

TLT cam kết đồng hành cùng sự phát triển của Quý doanh nghiệp bằng những giải pháp đóng gói bền bỉ, mẫu mã đa dạng cùng chính sách giá gốc tận xưởng cạnh tranh nhất thị trường.

BĂNG KEO BOPP

Băng Keo Đóng Gói Bopp Gốc Nước



Mã sản phẩm	Tổng độ dày	Độ bám dính		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm đứt
	(μm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
B134	34μm	41	14.31	801	17.91	100%
B136	36μm	41	14.31	801	17.91	100%
B138	38μm	4.11	14.71	801	17.91	100%
B140	40μm	4.21	15.11	801	17.91	100%
B143	43μm	4.41	15.81	801	17.91	100%
B145	45μm	4.51	16.11	821	18.41	100%
B150	50μm	5.21	18.71	851	19.11	100%
B155	55μm	5.51	20.81	851	19.11	100%
B160	60μm	5.51	19.71	1001	22.41	100%
B165	65μm	61	21.51	1151	25.81	100%
B170	70μm	6.21	22.31	1201	26.91	100%
B178	78μm	6.31	22.61	1251	28.11	100%
B190	90μm	6.51	23.31	1301	29.21	100%

Băng Keo Đóng Gói Bopp Keo Nóng



Sản phẩm	Độ dày tổng	Độ bám dính		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm đứt
	(μm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
B838	38μm	91	32.31	801	17.91	100%
B840	40μm	9.21	33.31	801	17.91	100%
B843	43μm	9.51	34.11	801	17.91	100%
B845	45μm	9.51	34.11	851	19.11	100%
B847	47μm	9.51	34.11	851	19.11	100%
B850	50μm	9.71	34.91	901	20.21	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong bao bì thực phẩm, phù hợp với các yêu cầu của FDA.

Băng Keo Đóng Gói Bopp Gốc Dung Môi



Sản phẩm	Độ dày tổng	Độ bám dính		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm đứt
	(μm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
B140A	40μm	51	17.91	801	17.91	100%
B143A	43μm	61	21.51	801	17.91	100%
B145A	45μm	6.31	22.61	801	17.91	100%
B160A	60μm	6.81	24.41	1001	22.41	100%
B165A	65μm	71	25.11	1151	25.81	100%
B170A	70μm	7.31	26.21	1201	26.91	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong bao bì các sản phẩm chuỗi lạnh, có khả năng chịu nhiệt độ thấp.

Băng Keo Bopp Đóng Gói Cao Su Tự Nhiên



Sản phẩm	Độ dày tổng	Độ bám dính		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm đứt
	(µm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
BT45	45µm	6↑	21.5↑	75↑	16.8↑	100%
BT50	50µm	6.4↑	23↑	75↑	16.8↑	100%
BT53	53µm	6.5↑	23.3↑	85↑	19.1↑	100%
BT58	58µm	6.6↑	23.7↑	100↑	22.4↑	100%
BT63	63µm	7.2↑	25.9↑	110↑	24.7↑	100%
BT65	65µm	7.5↑	26.9↑	115↑	25.8↑	100%

Mô tả: Có thể sử dụng cho bao bì chuỗi lạnh và bao bì ở các khu vực có nhiệt độ thấp.

Băng Keo Bopp Đóng Gói Siêu Trong Gốc Nước Acrylic



Sản phẩm	Độ dày tổng	Độ bám dính		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm đứt
	(µm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
B437B	37µm	4↑	14.3↑	75↑	16.8↑	100%
B442B	42µm	4.3↑	15.4↑	75↑	16.8↑	100%
B445B	45µm	4.5↑	16.1↑	80↑	17.9↑	100%
B447B	47µm	5↑	17.9↑	80↑	17.9↑	100%
B450B	50µm	5.1↑	18.3↑	85↑	19.1↑	100%
B456B	56µm	6.2↑	22.3↑	85↑	19.1↑	100%
B466B	66µm	6↑	21.5↑	115↑	25.8↑	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong niêm phong thùng carton, đóng gói vật phẩm, bó hàng, v.v., phù hợp cho các bối cảnh vận phòng hàng ngày.

Băng Keo Bopp Đóng Gói Yên Tĩnh Gốc Nước Acrylic



Sản phẩm	Độ dày tổng	Độ bám dính		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm đứt
	(µm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
BN38	38µm	4.1↑	14.7↑	75↑	16.8↑	80%
BN50	50µm	5.2↑	18.7↑	85↑	19.1↑	100%
BN55	55µm	5.8↑	20.8↑	85↑	19.1↑	120%
BN63	63µm	5.9↑	21.2↑	105↑	23.6↑	140%
BN65	65µm	6↑	21.5↑	115↑	25.8↑	140%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong niêm phong thùng carton, đóng gói vật phẩm, bó hàng, không gây tiếng ồn khi sử dụng, thao tác thủ công dễ dàng và không gây ảnh hưởng đến người khác.

Băng Keo Bopp Đóng Gói Siêu Trong Keo Nóng



Sản phẩm	Độ dày tổng	Độ bám dính		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm đứt
	(µm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
B850A	50µm	7↑	25.1↑	85↑	19.1↑	100%
B860A	60µm	7↑	25.1↑	105↑	23.6↑	100%
B866A	66µm	8↑	28.7↑	115↑	25.8↑	100%
B876A	76µm	8.5↑	30.5↑	120↑	26.9↑	100%
B880A	80µm	9↑	32.3↑	125↑	28.1↑	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong bao bì thực phẩm, đáp ứng yêu cầu của FDA và trông đẹp.

Băng Keo Bopp Đóng Gói Độ Ổn Thấp Gốc Nước Acrylic



Sản phẩm	Độ dày tổng	Độ bám dính		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm đứt
	(µm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
B540	40µm	3.5-6.5	12.5-23.3	75↑	16.8↑	100%
B545	45µm	3.5-6.5	12.5-23.3	80↑	17.9↑	100%
B548	48µm	3.5-6.5	12.5-23.3	80↑	17.9↑	100%
B550	50µm	3.5-6.5	12.5-23.3	85↑	19.1↑	100%
B555	55µm	3.5-6.5	12.5-23.3	85↑	19.1↑	100%
B563	63µm	3.5-6.5	12.5-23.3	105↑	23.6↑	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong niêm phong thùng carton, đóng gói vật phẩm, bó hàng, v.v., với ít tiếng ồn và thân thiện hơn với người dùng.

Băng Keo Bopp Đóng Gói Siêu Trong Gốc Dung Môi Acrylic



Sản phẩm	Độ dày tổng	Độ bám dính		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm đứt
	(µm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
B443C	43µm	6.2↑	22.3↑	80↑	17.9↑	100%
B448C	48µm	6.5↑	23.3↑	85↑	19.1↑	100%
B455C	55µm	6.6↑	23.7↑	85↑	19.1↑	100%
B465C	65µm	7↑	25.1↑	115↑	25.8↑	100%
B475C	75µm	7.5↑	26.9↑	120↑	26.9↑	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong niêm phong thùng carton, đóng gói vật phẩm, bó hàng, v.v., phù hợp cho các bối cảnh vận phòng hàng ngày.

Băng Keo Bao Bì Bopp In Ấn



Sản phẩm	Độ dày tổng thể	Độ bám dính bóc		Độ bền kéo		Tỷ lệ dãn dài khi đứt
	(µm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
B645	45µm	3.2-6.5	11.5-23.3	80↑	17.9↑	100%
B650	50µm	3.2-6.5	11.5-23.3	85↑	19.1↑	100%
B655	55µm	3.2-6.5	11.5-23.3	85↑	19.1↑	100%

Mô tả: Sử dụng rộng rãi trong niêm phong thùng carton, quảng cáo.

Băng Keo BOPP Xi Mạ



Sản phẩm	Tổng độ dày	Độ bám dính bóc		Độ bền kéo		Độ giãn dài tại điểm gãy (%)
	(µm)	(N/in)	ASTM D-3330 (oz/in)	(N/in)	ASTM D-3759 (lb/in)	ASTM D-3759
B342	42µm	5↑	17.9↑	80↑	17.9↑	100%
B345	45µm	5.2↑	18.7↑	85↑	19.1↑	100%
B350	50µm	5.5↑	19.7↑	85↑	19.1↑	100%
B353	53µm	5.7↑	20.5↑	85↑	19.1↑	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi để quấn ống.

Băng Keo Bopp Cuộn Lớn (Master Roll)



LOẠI	B845-G	B865-G	BI45	BI65
Chất dính	Nóng chảy	Nóng chảy	Gốc nước Acrylic	Gốc nước Acrylic
Tổng độ dày (µm)	45±2µm	65±2µm	45±2µm	65±2µm
Độ bám dính (N/in)	7↑	8↑	4↑	6↑
Độ bám dính ASTM D-3330 (oz/in)	17.9↑	28.7↑	14.3↑	21.5↑
Độ bền kéo (N/in)	60↑	105↑	75↑	100↑
Độ bền kéo ASTM D-3759 (lb/in)	14.6↑	23.6↑	16.8↑	22.4↑
Độ dãn dài% khi đứt	100%	100%	100%	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong niêm phong thùng carton, đặc biệt phù hợp cho máy đóng gói tự động.
*Các độ dày khác luôn có sẵn.

Băng Keo Bopp In Đuợc



LOẠI	BK840	BK40
Keo dính	Keo nóng chảy	Acrylic gốc nước
Tổng độ dày (µm)	40µm	40µm
Lực bóc tách (N/in)	4↑	3.5-6.5↑
Lực bóc tách ASTM D-3330 (oz/in)	14.3↑	12.5-23.3↑
Độ bền kéo (N/in)	70↑	70↑
Độ bền kéo ASTM D-3759 (lb/in)	15.7↑	15.7↑
Độ giãn dài (%) khi đứt	100%	100%

Mô tả: Sử dụng rộng rãi cho băng keo BOPP in.
*Các độ dày khác cũng có sẵn.



MÀNG BOPP

Màng Bopp-Cấp độ Băng keo



Sản phẩm	Độ dày tổng cộng (μm)	Sức bền kéo (N/in)	% Độ giãn dài khi đứt ASTM D-3759
WXS120	20 μm	60↑	90%
WXS123	23 μm	70↑	100%
WXS125	25 μm	75↑	100%
WXS128	28 μm	80↑	120%
WXS130	30 μm	85↑	120%
WXS136	36 μm	95↑	130%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi để sản xuất băng keo đóng gói BOPP.

Màng Cán



Sản phẩm	Độ dày tổng (μm)	Độ bám dính (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Phần trăm độ giãn khi đứt ASTM D-3759
JFC3104	24 μm	3↑	50↑	100%
JFC3101	24 μm	3↑	55↑	100%
JFC3103	33 μm	4↑	55↑	100%
JFD4101	28 μm	3↑	70↑	100%
JFD4102	31 μm	3.5↑	70↑	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi để bảo vệ và dán nhãn mác tự dính kỹ thuật số.

Màng Mờ



Sản phẩm	Tổng độ dày (μm)	Độ bám dính bóc (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Độ giãn dài khi đứt % ASTM D-3759
JFE3101	23 μm	3↑	55↑	100%
JFE3103	30 μm	4↑	60↑	100%
JFE4101	23 μm	2.5↑	55↑	100%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi để bảo vệ và tạo màng phức hợp cho tem nhãn tự dính.



Băng keo cách điện PVC (Kinh tế)



Sản phẩm	Tổng độ dày (μm)	Độ dính ban đầu (ball #)	Độ bám dính khi bong (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Độ giãn dài khi đứt % ASTM D-3759
EA12-Z	120μm	7↑	3↑	50↑	160%
EA13-Z	130μm	7↑	3↑	58↑	170%
EA15-Z	150μm	7↑	3↑	62↑	170%
EA18-Z	180μm	7↑	3↑	70↑	180%
EB12-F	120μm	7↑	3↑	50↑	150%
EA13-F	130μm	7↑	3↑	55↑	170%
EA18-F	180μm	7↑	3↑	65↑	180%

Mô tả: Thích hợp để quấn và bọc cáp dẫn điện.

Băng keo cách điện PVC (Cao cấp)



Sản phẩm	Tổng độ dày (μm)	Độ dính ban đầu Hòn bi (#)	Độ bám dính (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Độ giãn dài khi đứt ASTM D-3759
EA13-ZCE	130μm	5↑	4.5↑	50↑	160%
EA15-ZCE	150μm	5↑	4.5↑	60↑	160%
EA16-ZCE	160μm	5↑	4.5↑	65↑	160%
EWG18-ZU	180μm	5↑	4↑	75↑	150%

Mô tả: Thích hợp để quấn và bọc cáp dẫn điện, phù hợp với các tiêu chuẩn chứng nhận điện địa phương.

Băng keo cách điện PVC (Thân thiện môi trường)



Sản phẩm	Tổng độ dày (μm)	Độ dính ban đầu ball (#)	Độ bám dính bóc (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Độ giãn dài tại điểm đứt ASTM D-3759
EA12-FRE	120μm	5↑	4.5↑	50↑	160%
EWG18-ZRE	180μm	5↑	4.5↑	70↑	180%

Mô tả: Phù hợp để quấn và bao phủ các loại cáp dẫn điện, đặc biệt cho Châu Âu và Châu Mỹ.

Băng keo PVC trong suốt (Niêm phong)



Sản phẩm	Tổng độ dày (μm)	Độ dính ban đầu bóng (#)	Độ bám dính khi bong (N/in)	Sức bền kéo (N/in)	Độ giãn dài khi đứt ASTM D-3759
EFT110	110μm	5↑	2↑	31↑	130%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong đóng gói niêm phong thực phẩm đóng hộp, thân thiện với môi trường, không độc hại và vô hại, dễ sử dụng.

Băng keo cảnh báo PVC



Sản phẩm	Chất dính	Độ dày tổng cộng (μm)	Độ bám dính bóc (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Phần trăm độ giãn dài khi đứt ASTM D-3759
QWJC13-F	Cao su tự nhiên	130μm	3↑	45↑	160%
QWJC15-F	Cao su tự nhiên	150μm	3↑	55↑	160%
QWJC18-F	Cao su tự nhiên	180μm	3↑	65↑	160%

Mô tả: Phù hợp để quấn và bọc cáp dẫn điện.



Băng keo quấn dây điện ô tô



Sản phẩm	Tổng độ dày (μm)	Độ dính ban đầu ball (#)	Độ bám dính (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Độ giãn dài (%) khi đứt ASTM D-3759
EXA10-Z	100μm	5↑	3↑	50↑	160%

Mô tả: Được thiết kế đặc biệt để quấn và bọc bộ dây điện ô tô.

Băng keo cao su tự dính cách điện cao thế



Sản phẩm	Chất dính	Độ dày tổng (μm)	Độ bền kéo (N/in)	Độ giãn dài khi đứt ASTM D-3759	Điện áp đánh thủng ASTM D-1000 (kv)
GE76	Cao su tự nhiên	760μm	12↑	600%	5

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi để bảo vệ cách điện chính cho cáp điện áp cao.

Băng keo vải nilon quấn dây ô tô



Sản phẩm	Keo dính	Tổng độ dày (μm)	Độ bám dính bóc (N/in)	Bền kéo (N/in)	Tỷ lệ kéo dài khi đứt ASTM D-3759
693B-F3	Nóng chảy	290μm	4↑	125↑	15%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi cho bộ dây điện trong ngành công nghiệp ô tô, các ứng dụng tĩnh vi.

Băng keo vải Polyester ô tô



Sản phẩm	Keo dán	Tổng độ dày (μm)	Độ bám dính bóc (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Độ giãn % khi đứt ASTM D-3759
693B-F3	Nóng chảy	180μm	6.25↑	180↑	18%

g rãi cho các bộ phận có yêu cầu cao về giảm tiếng ồn bên

Màng cảnh báo PE



Sản phẩm	Tổng độ dày	Sức bền kéo	% Độ giãn khi đứt
	(μm)	(N/in)	ASTM D-3759
JW101	30μm	10↑	200%
JW103	40μm	15↑	240%
JW104	50μm	15↑	240%

Mô tả: Phù hợp để cách ly cảnh báo.

Băng keo PVC dễ xé



Sản phẩm	Keo dính	Tổng độ dày	Độ bám dính	Độ bền kéo	Độ giãn dài khi đứt
		(μm)	(N/in)	(N/in)	ASTM D-3759
WE15-F	Cao su tự nhiên	150μm	2.5↑	50↑	110%
WE18-F	Cao su tự nhiên	180μm	2.5↑	60↑	110%

Mô tả: Phù hợp để bóc sách và tài liệu, và bảo vệ bề mặt thanh nhôm và ống thép khỏi bị trầy xước.

Băng keo bảo vệ bề mặt PVC



Sản phẩm	Chất kết dính	Tổng độ dày	Độ bám dính bóc	Độ bền kéo	Độ giãn dài khi đứt
		(μm)	(N/in)	(N/in)	ASTM D-3759
BHB12Q-F	Cao su Tự nhiên	120μm	2.21↑	55↑	180%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong ngành xây dựng, bảo vệ tường ngoài, bảo vệ đường ống.

Băng keo quấn đường ống PVC



Sản phẩm	Chất dính	Tổng độ dày	Độ bám dính bóc	Bền kéo	Độ giãn dài khi đứt
		(μm)	(N/in)	(N/in)	ASTM D-3759
WC13-F	Cao su tự nhiên	130μm	2.75↑	45↑	160%
WC15-F	Cao su tự nhiên	150μm	2.75↑	55↑	160%
WC18-F	Cao su tự nhiên	180μm	2.75↑	65↑	160%

Mô tả: Thích hợp để bảo vệ chống xước trên bề mặt của thanh nhôm và ống thép.

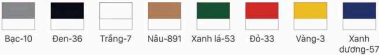


Bảng Keo Vải Sợi Cao Su Tự Nhiên



Mô tả: Chủ yếu được sử dụng để quấn ống, niêm phong, đóng gói vật nặng, cố định và tự chế (DIY), v.v.

Sản phẩm	Chất kết dính	Tổng độ dày	Độ dính ban đầu	Độ bám dính	Độ bền kéo
		(µm)	(#)	ASTM D-3330(oz/in)	(N/in)
DR20	Cao su tự nhiên	200µm	13↑	6↑	85↑
DR23	Cao su tự nhiên	230µm	10↑	9↑	85↑
DR25	Cao su tự nhiên	250µm	12↑	10↑	85↑
DR27	Cao su tự nhiên	270µm	12↑	12↑	110↑
DR30	Cao su tự nhiên	300µm	16↑	13↑	120↑
DR36	Cao su tự nhiên	360µm	15↑	15↑	125↑
DR42	Cao su tự nhiên	420µm	25↑	15↑	130↑

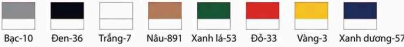


Bảng Keo Vải Mỡ Keo Nóng Chảy



Sản phẩm	Chất kết dính	Tổng độ dày	Độ dính ban đầu	Độ bám dính khi bóc	Độ bền kéo
		(µm)	(#)	ASTM D-3330(oz/in)	(N/in)
D717	Kẹo dán nhiệt	170µm	20↑	18↑	75↑
D719	Kẹo dán nhiệt	190µm	20↑	22↑	80↑

Mô tả: Chủ yếu được sử dụng cho thiết kế sân khấu và các bối cảnh khác có yêu cầu cao về độ phản xạ ánh sáng.

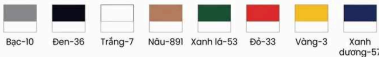


Bảng Keo Vải Keo Nóng Chảy



Mô tả: Chủ yếu được sử dụng để quấn ống, dán kín, sửa chữa, bó buộc, dán viên trám, đánh dấu mặt đất, phân tách màu sắc, v.v.

Sản phẩm	Chất dính	Độ dày tổng	Độ bám dính ban đầu	Độ bền bóc tách	Sức căng kéo
		(µm)	(#)	ASTM D-3330(oz/in)	(N/in)
D113	Keo nóng chảy	130µm	15↑	18↑	55↑
D115	Keo nóng chảy	150µm	18↑	20↑	65↑
D117	Keo nóng chảy	170µm	20↑	20↑	85↑
D119	Keo nóng chảy	190µm	22↑	22↑	85↑
D121	Keo nóng chảy	210µm	22↑	22↑	95↑
D123	Keo nóng chảy	230µm	25↑	24↑	105↑
D125	Keo nóng chảy	250µm	26↑	24↑	110↑
D127	Keo nóng chảy	270µm	27↑	24↑	120↑
D129	Keo nóng chảy	290µm	28↑	26↑	125↑



Bảng Keo Vải In Họa Tiết



Sản phẩm	Chất kết dính	Tổng độ dày	Độ bám dính ban đầu	Độ dính bóc	Độ bền kéo
		(µm)	(#)	ASTM D-3330(oz/in)	(N/in)
DP17	Hot Melt	170µm	6↑	15↑	70↑
DP19	Hot Melt	190µm	9↑	18↑	72↑
DP21	Hot Melt	210µm	8↑	18↑	75↑

Mô tả: Đáp ứng nhu cầu cá nhân, được sử dụng rộng rãi trong sản xuất trang trí DIY ở trường học[®] và gia đình, và cũng có thể được sử dụng để đóng gói, cố định, v.v.

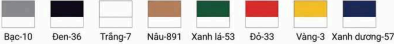


Bảng Keo Vải (Dành cho thị trường Đông Nam Á)



Sản Phẩm	Chất Kết Dính	Tổng Độ Dày	Độ Dính Ban Đầu	Độ Bám Dính Vô	Độ Bền Kéo
		(µm)	(#)	ASTM D-3330(oz/in)	(N/in)
D423	Cao Su Tự Nhiên	230µm	16↑	18↑	105↑
D425	Cao Su Tự Nhiên	250µm	18↑	20↑	110↑
D427	Cao Su Tự Nhiên	270µm	20↑	22↑	120↑
D433	Cao Su Tự Nhiên	300µm	22↑	24↑	125↑

Mô Tả: Chủ yếu được sử dụng để quấn ống, niêm phong, đóng gói vật thể nặng, cố định và DIY, v.v.





BĂNG KEO GIẤY

Băng Keo Giấy Thông Dụng (60°C)



LOẠI	MAA100	MAA6112	MAA3113	MAA9112	MAA9113	MAA9115
Khả năng chịu nhiệt độ resistance tối đa trong 1 giờ.	60°C/140°F	60°C/140°F	60°C/140°F	60°C/140°F	60°C/140°F	60°C/140°F
Chất kết dính	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên
Lớp nền	Giấy Crepe	Giấy Crepe	Giấy Crepe	Giấy Crepe	Giấy Crepe	Giấy Crepe
Tổng độ dày(μm)	100μm	120μm	130μm	120μm	130μm	150μm
Độ dính ban đầu(#)	5↑	5↑	5↑	5↑	5↑	6↑
Độ bám dính khi bóc(N/in)	5↑	5↑	6↑	6↑	6↑	7↑
Độ bền kéo	55↑	60↑	60↑	60↑	60↑	63↑
Độ giãn dài(%)	6%	8%	6%	6%	6%	6%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi cho trang trí nội thất, bó hàng, đóng gói và cố định hàng hóa nhẹ.

Băng Keo Giấy Chuyên Dùng Cho Ô Tô (80°C)



LOẠI	MAA4113	MAA4115	MAA4114
Khả năng chịu nhiệt tối đa trong 30 phút.	80°C/176°F	80°C/176°F	80°C/176°F
Chất dính	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên
Chất liệu nền	Giấy nhẵn crepe	Giấy nhẵn crepe	Giấy nhẵn crepe
Tổng độ dày(μm)	130μm	150μm	140μm
Độ dính ban đầu(#)	8↑	8↑	6↑
Độ bám dính khi bóc(N/in)	5↑	6↑	5.5↑
Độ bền kéo	60↑	63↑	75↑
Độ giãn dài(%)	6%	6%	8%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi cho trang trí nội thất và ngoại thất, Sơn ô tô, bó buộc, đóng gói và cố định hàng hóa nhẹ.

Băng Keo Giấy Chịu Nhiệt Cao (100-120°C)



LOẠI	MAA7114	MAA7415	MAA8414
Khả năng chịu nhiệt tối đa trong 30 phút	100-120°C 212-248°F	100°C/212°F	120°C/248°F
Chất kết dính	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên
Lớp đế	Crepe Paper	Giấy Crepe	Giấy Crepe
Tổng độ dày (μm)	140μm	150μm	140μm
Độ dính ban đầu (#)	8↑	7↑	7↑
Độ bám dính bóc (N/in)	5↑	6.2↑	6↑
Độ bền kéo	65↑	78↑	75↑
Độ giãn dài (%)	6%	8%	8%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi cho ngành Công nghiệp ô tô, sơn.

Băng keo giấy kháng tia UV



Mô tả: Được sử dụng rộng rãi cho phun sơn che phủ ngoài trời.

LOẠI	MLA130	MLC120
Độ bền nhiệt	Kháng tia UV 3-7 ngày	Kháng tia UV 7-14 ngày
Lớp đế	Giấy kép	Giấy kép
Tổng độ dày(μm)	130μm	120μm
Độ dính ban đầu(#)	5↑	8↑
Độ bám dính bóc(N/in)	6↑	2↑
Tensile Strength	62↑	65↑
Độ giãn dài(%)	6%	7%

Băng keo giấy màu sắc



LOẠI	MAA8113	MCA8113
Keo	Cao su tự nhiên	Cao su tự nhiên
Lớp lót	Giấy Crepe	Giấy Crepe
Tổng độ dày(μm)	130μm	130μm
Độ dính ban đầu(#)	5↑	5↑
Độ bám dính khi bóc(N/in)	6↑	6↑
Độ bền kéo	60↑	62↑
Độ giãn dài(%)	6%	6%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong nhện kỹ DIY, đóng gói và cố định các sản phẩm công nghiệp nhẹ.



Băng keo giấy Rice (Kính tế)



LOẠI	HEC110	HEC100
Keo dính	Acrylic water base	Acrylic water base
Lớp nền	Crepe Paper	Crepe Paper
Tổng độ dày (μm)	110μm	100μm
Độ dính ban đầu (#)	5↑	8↑
Lực bóc tách (N/in)	2↑	2↑
Độ bền kéo	67↑	65↑
Elongation(%)	3%	3%

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong nhện kỹ tự làm (DIY), đóng gói và cố định các sản phẩm công nghiệp nhẹ.

Băng keo giấy Rice (Cao cấp)



LOẠI	HED090	HED790	HEC090
Độ bền nhiệt	Kháng tia UV 7-14 ngày	120°C30phút	/
Chất kết dính	Gốc dung môi Acrylic	Gốc dung môi Acrylic	Gốc nước Acrylic
Lớp nền	Giấy Crepe	Giấy Crepe	Giấy Crepe
Tổng độ dày(μm)	90μm	90μm	90μm
Độ dính ban đầu(#)	6↑	8↑	5↑
Lực bóc(N/in)	3↑	3↑	1.5↑
Độ bền kéo	60↑	60↑	60↑
Độ giãn(%)	3%	3%	3%

Mô tả: Sản phẩm được sử dụng rộng rãi trong thi công phun trang trí nội và ngoại thất cao cấp, có khả năng bảo vệ đồ vật cần thận hơn.



BĂNG KEO NHÔM
(ALUMINUM FOIL TAPE)

Băng Keo Nhôm Hot Melt



Sản phẩm	Độ dày màng nền	Độ bám dính khi lột	Độ bền kéo	Kích thước cuộn thành phẩm
	(μm)	ASTM D-3330(N/in)	(N/in)	
A115	15μm	12↑	17↑	48mmx25m 48mmx50m
A118	18μm	12↑	20↑	48mmx25m 48mmx50m
A120	20μm	14↑	30↑	48mmx25m 48mmx50m
A125	25μm	18↑	45↑	48mmx25m 48mmx50m
A130	30μm	20↑	50↑	48mmx25m 48mmx50m
A140	40μm	22↑	65↑	48mmx25m 48mmx50m
A150	50μm	24↑	75↑	48mmx25m 48mmx50m

Mô tả: Phù hợp cho ngành công nghiệp bịt kín ống, nối và HVAC.

Băng Keo Nhôm Gốc Nước Acrylic



Sản phẩm	Độ dày màng nền	Độ bám dính bóc	Độ bền kéo	Kích thước cuộn thành phẩm
	(μm)	ASTM D-3330(N/in)	(N/in)	
A215	15μm	8↑	17↑	48mmx25m 48mmx50m
A225	25μm	14↑	45↑	48mmx25m 48mmx50m
A235	35μm	18↑	55↑	48mmx25m 48mmx50m

Mô tả: Thích hợp cho che chắn cáp điện và điện tử, các mối nối đường ống, niêm phong, v.v.

Băng Keo Nhôm Gốc Dung Môi Acrylic



Sản phẩm	Độ dày lớp mang	Độ dính bong	Độ bền kéo	Kích thước cuộn thành phẩm
	(μm)	ASTM D-3330	(N/in)	
A315	15μm	10↑	18↑	48mmx25m 48mmx50m
A320	20μm	12↑	30↑	48mmx25m 48mmx50m
A330	30μm	14↑	50↑	48mmx25m 48mmx50m
A340	40μm	16↑	65↑	48mmx25m 48mmx50m
A350	50μm	18↑	75↑	48mmx25m 48mmx50m

Mô tả: Phù hợp cho việc che chắn cáp điện và điện tử, khớp nối đường ống, niêm phong, v.v.

Băng Keo Nhôm Gia Cường (FSK)



LOẠI	A119	A306	A306-2
Chất dính	Keo nóng chảy	Keo Acrylic gốc dung môi	Keo Acrylic gốc dung môi
Độ dày lớp mang(μm)	6μm	6μm	6μm
Độ bám dính bóc ASTM D-3330 (N/in)	20↑	12↑	14↑
Độ bền kéo	80↑	60↑	200↑
Kích thước cuộn thành phẩm	48mmx25m 48mmx50m	48mmx25m 48mmx50m	48mmx25m 48mmx50m

Mô tả: Chủ yếu được sử dụng để bọc vật liệu cách nhiệt của đường ống thiết bị làm mát và sưởi ấm, vật liệu cách âm tòa nhà, bông đá, và bảo vệ lớp ngoài của bồn thủy tinh siêu mịn.

Băng Keo Vải Sợi Thủy Tinh Phủ Nhôm



LOẠI	A614A	A615
Chất dính	Hệ dung môi Acrylic	Keo nóng chảy
Độ dày lớp mang (μm)	6μm	6μm
Lực dính vỏ ASTM D-3330 (N/in)	20↑	20↑
Độ bền kéo	320↑	350↑
Kích thước cuộn thành phẩm	48mmx25m 48mmx50m	48mmx25m 48mmx50m

Mô tả: Thích hợp để bịt kín hơi nước cho ống và bịt kín các mối nối và khớp của tấm ốp lá nhôm.

Băng Keo Nhôm Gốc Dung Môi Acrylic (không có lớp lót)



LOẠI	AWD050
Chất kết dính	Gốc dung môi Acrylic
Độ dày lớp mang (μm)	85μm
Độ bám dính bóc tách ASTM D-3330 (N/in)	16↑
Sức bền kéo	70↑
Kích thước cuộn thành phẩm	48mmx25m 48mmx50m

Mô tả: Thích hợp cho che chắn cáp điện tử và điện, mối nối đường ống, niêm phong, v.v.



Băng dính Giấy lụa Hai mặt - Keo Nóng chảy



Sản phẩm	Chất kết dính	Vật liệu nền	Độ dày (Lớp nền + Chất kết dính)	Độ dính ban đầu	Độ bám dính bóc
			(µm)	(#)	(N/in)
S301	Keo nóng chảy	Lớp lót giấy	60µm	8†	12†
S302	Keo nóng chảy	Lớp lót giấy	70µm	10†	13†
S303	Keo nóng chảy	Lớp lót giấy	80µm	10†	15†
S304	Keo nóng chảy	Lớp lót giấy	90µm	10†	15†
S305	Keo nóng chảy	Lớp lót giấy	100µm	12†	17†

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi để trang trí nhà cửa và DIY, nối, cố định và trang trí tường.

Băng dính Giấy lụa Hai mặt - Keo Dung môi Acrylic



Sản phẩm	Chất dính	Vật liệu nền	Độ dày Giấy+Chất dính	Độ dính ban đầu	Độ bám dính khi lột
			(µm)	(#)	(N/in)
S302-3	Gốc dung môi Acrylic	Giấy tissue	70µm	5†	12†
S303-3	Gốc dung môi Acrylic	Giấy tissue	80µm	6†	14†
S304-3	Gốc dung môi Acrylic	Giấy tissue	90µm	6†	15†
S310-3	Gốc dung môi Acrylic	Giấy tissue	100µm	6†	17†
S311-3	Gốc dung môi Acrylic	Giấy tissue	120µm	6†	18†

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi cho đồ da, mút, giấy decal, v.v.

Băng dính Vải Hai mặt



Sản phẩm	Keo dính	Vải nền	Độ dày tổng	Độ dính ban đầu	Độ dính bong
			(µm)	(#)	(N/in)
S201	Keo nóng chảy	Vải	170µm	22†	22†
S202	Keo nóng chảy	Vải	220µm	22†	25†
S203	Keo nóng chảy	Vải	280µm	25†	28†

Mô tả: Sử dụng rộng rãi để dán và nối thảm, bản in và các vật thể khác, như dán và cố định.

Băng dính Hai mặt PP



Sản phẩm	Chất dính	Lớp nền	Tổng độ dày	Độ dính ban đầu	Độ bám dính
			(µm)	(#)	(N/in)
SI01	Hot Melt	PP	95µm	8↑	16↑
SI01-3	Hot Melt	PP	100µm	8↑	35↑

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong việc cố định thảm, nỉ vải, vách ngăn quảng cáo, bản in và các đối tượng khác, chẳng hạn như dán và cố định.

Băng dính Hai mặt Xốp Nóng chảy



Sản phẩm	Keo dính	Lớp lót	Tổng độ dày	Độ bám dính ban đầu	Độ bám dính bóc tách
			(mm)	(#)	(N/in)
S501(EVA)	Keo nóng chảy	Bọt(EVA)	1mm	15↑	18↑
S401(IXPE)	Keo nóng chảy	Bọt(IXPE)	1mm	15↑	18↑
S505(EVA)	Keo nóng chảy	Bọt(EVA)	1.5mm	15↑	18↑
S601(EVA)	Keo nóng chảy	Bọt(EVA)	2mm	15↑	18↑

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi để dán trang trí, ngành công nghiệp ô tô.

Băng dính Hai mặt Xốp Gốc dung môi Acrylic



Mã sản phẩm	Chất kết dính	Lớp lót	Tổng độ dày	Độ bám dính ban đầu	Độ bám dính sau bóc
			(mm)	(#)	(N/in)
S402(IXPE)	Keo Acrylic (Thân dung môi)	Mút xốp (IXPE)	1mm	15↑	18↑
S502(EVA)	Keo Acrylic (Thân dung môi)	Mút xốp (EVA)	1mm	15↑	16↑
S405(IXPE)	Keo Acrylic (Thân dung môi)	Mút xốp (IXPE)	1.5mm	15↑	18↑
S602(EVA)	Keo Acrylic (Thân dung môi)	Mút xốp (EVA)	2mm	15↑	18↑

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi cho ngành trang trí nội thất, ngành công nghiệp ô tô.

Băng dính Nano



Sản phẩm	Chất kết dính	Màu keo	Lớp nền	Độ dày tổng thể	Độ dính ban đầu	Độ bám dính khi bóc
				(mm)	(#)	(N/in)
WJC102	Acrylic	Trong suốt	/	0.8mm	/	15↑
WJC102	Acrylic	Trong suốt	/	1mm	/	15↑
WJC102	Acrylic	Trong suốt	/	1.5mm	/	15↑
WJC102	Acrylic	Trong suốt	/	2mm	/	15↑
WJC101	Acrylic	Màu xám	/	0.8mm	/	15↑
WJC101	Acrylic	Màu xám	/	1mm	/	15↑
WJC101	Acrylic	Màu xám	/	1.5mm	/	15↑
WJC101	Acrylic	Màu xám	/	2mm	/	15↑

Mô tả: Có thể giặt bằng nước và có thể sử dụng nhiều lần. Nó chủ yếu được sử dụng cho các bộ phận trang trí nội thất và ngoại thất của ô tô, các bộ phận trang trí như thiết bị điện, điện thoại di động, máy tính, khóa thông minh, v.v., cũng như việc cố định các bộ phận bên trong và bên ngoài của sản phẩm. Tường rèm, thang máy, cửa ra vào và cửa sổ, tấm pin mặt trời, v.v.

Màu đường: Đỏ/Xanh lá/Trong suốt.



Băng dính Hai mặt PET Màng Đỏ



Sản phẩm	Chất kết dính	Lớp nền	Tổng độ dày	Độ dính ban đầu	Độ bám dính bóc tách
			(µm)	(#)	(N/in)
S331	Acrylic gốc dung môi	PET	105µm	4↑	18↑
S332-1	Acrylic gốc dung môi	MOPP	165µm	4↑	20↑
STD205	Acrylic gốc dung môi	PET	205µm	4↑	14↑

Mô tả: Chủ yếu được sử dụng cho băng mạch điện tử, độ trong suốt tốt.



BĂNG KEO PHÂN HỦY SINH HỌC

Băng Keo Kraft Phân Hủy Sinh Học



Sản phẩm	Chất kết dính	Tổng độ dày	Độ bền kéo	Màu sắc
		(μm)	(N/in)	
LMA120	Cao su tự nhiên	120 μm	65†	Màu nâu
LMA130	Cao su tự nhiên	130 μm	70†	Màu nâu
LMA140	Cao su tự nhiên	140 μm	75†	Màu nâu

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong niêm phong thùng carton, đóng gói vật phẩm, đóng bó, v.v., thân thiện với môi trường và có thể in ấn.

Băng Keo Giấy Kraft Có Cấu Cường Lực Kích Hoạt Nước



Sản phẩm	Chất kết dính	Tổng độ dày	Độ bền kéo	Màu sắc
		(μm)	(N/in)	
KS15	Keo tinh bột	130 μm	160†	Nâu
KS15-1	Keo tinh bột	130 μm	170†	Nâu
KS15-2	Keo tinh bột	130 μm	180†	Nâu
KS15-3	Keo tinh bột	130 μm	200†	Nâu

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong niêm phong thùng carton, đóng gói vật phẩm, đóng hàng, v.v., bảo vệ môi trường và có thể in ấn.

Băng Keo Giấy Kraft Kích Hoạt Nước



Sản phẩm	Chất kết dính	Tổng độ dày	Độ bền kéo	Màu sắc
		(μm)	(N/in)	
KN13	Keo tinh bột	130 μm	80†	Nâu

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong việc dán thùng carton, đóng gói vật phẩm, bó buộc, v.v., bảo vệ môi trường.

Băng Keo Collophane



Sản phẩm	Chất dính	Độ dày tổng	Độ bền kéo	Màu sắc
		(μm)	(N/in)	
LBD050-2	Gốc dung môi Acrylic	50 μm	75†	Trong suốt

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi trong đóng gói, bó buộc vật thể, v.v., bảo vệ môi trường.



MÀNG PE CO

SỬ DỤNG TAY



Sản phẩm	Tổng độ dày (μm)	Độ bền kéo (N/in)		Độ giãn dài (%)	
		TD	MD	TD	MD
PR012	12 μm	7.5↑	3.5↑	240%↑	330%↑
PR015	15 μm	8.2↑	4↑	260%↑	350%↑
PR018	18 μm	9.3↑	4.8↑	285%↑	410%↑
PR023	23 μm	14↑	6↑	320%↑	460%↑
PR025	25 μm	16↑	7↑	360%↑	470%↑
PR030	30 μm	23↑	9↑	400%↑	520%↑

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi cho bao bì, chống bụi, chống ẩm, v.v.,

SỬ DỤNG MÁY



Sản phẩm	Tổng độ dày (μm)	Độ bền kéo (N/in)		Độ giãn dài (%)	
		TD	MD	TD	MD
PR017-3	17 μm	/	/	/	/
PR018-3	18 μm	9.5↑	5↑	285%↑	410%↑
PR020-3	20 μm	12.5↑	5.5↑	300%↑	450%↑

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi để đóng gói pallet, sản phẩm hậu cần, chống xếp, Sử dụng với máy, v.v.



MÀNG CHE SƠN DÁN SẴN BĂNG KEO

Màng Che Sơn Dán Sẵn Băng Keo Trong Nhà



Sản phẩm	Băng keo	Màng phim	Độ dày băng keo (μm)	Độ dày màng phim (μm)	Đóng gói hàng thành phẩm
MZB-201	Băng keo che chắn đa năng	LDPE	130 μm	6-7 μm	550mm 1100mm
MZB-202	Băng keo che chắn đa năng	LDPE	130 μm	9 μm	550mm 1100mm
MZB-204	Băng keo che chắn đa năng	LDPE	130 μm	9 μm	550mm 1100mm

Mô tả: Thích hợp để che bụi trong nhà, che sơn trang trí nhà cửa, v.v.

Màng Che Sơn Dán Sẵn Băng Keo Vải Ngoài Trời



Sản phẩm	Băng keo	Màng	Độ dày Băng keo (μm)	Độ dày Màng (μm)	Đóng gói Thành phẩm
DZB-101	Băng keo Vải	LDPE	280 μm	6-7 μm	550mm 1100mm
DZB-102	Băng keo Vải	LDPE	280 μm	9 μm	550mm 1100mm

Mô tả: Phù hợp để che phủ trong nhà/ngoài trời và chống bụi, Phun xịt diện tích lớn và bảo vệ trong quá trình sơn tường và cái tạo, che chắn sơn ô tô, v.v.

Màng Che Sơn Dán Sẵn Dùng Cho Ô Tô



Sản phẩm	Băng keo	Màng phim	Độ dày băng keo (μm)	Độ dày màng phim (μm)	Đóng gói sản phẩm hoàn thiện
MZB-101	Băng keo che phủ nhiệt độ cao	LDPE	160 μm	6-7 μm	550mm 1100mm
MZB-102	Băng keo che phủ nhiệt độ cao	LDPE	160 μm	8 μm	550mm 1100mm
MZB-103	Băng keo che phủ nhiệt độ cao	LDPE	160 μm	8 μm	550mm 1100mm

Mô tả: Thích hợp cho che phủ sơn xe ô tô.

Màng Che Sơn Dán Sẵn Dùng Cho Ô Tô



Sản phẩm	Băng keo	Màng	Độ dày Băng keo (μm)	Độ dày Màng (μm)	Đóng gói Thành phẩm
HZB-101	Băng keo giấy gạo	LDPE	100 μm	6 μm	550mm 1100mm
HZB-102	Băng keo giấy gạo	LDPE	100 μm	9 μm	550mm 1100mm

Mô tả: Sản phẩm này thích hợp dùng làm màng bọc chống bụi trong nhà và màng bọc khi phun sơn trang trí nhà cửa.



OTHER TAPES

Băng Keo Chống Trượt



Sản phẩm	Tổng độ dày (mm)	Độ dính ban đầu (#)	Độ bám dính bóc (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Khả năng chịu nhiệt °C/°F	Quy cách đóng gói
FH001	800µm	10†	10†	60†	105°C/221°F	50mmx5m 25mmx5m

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi để ngăn ngừa trượt chân và vấp ngã trên mũi bậc thang, đường đi bộ trong nhà và khu vực ngoài trời.



Băng Keo Sợi Thủy Tinh Chéo



Sản phẩm	Chất kết dính	Loại dệt	Độ dày tổng (µm)	Độ bám dính ban đầu (#)	Lực bám dính lột (N/in)	Độ bền kéo (N/in)
F213	Nóng chảy	Cross Dệt chéo	130µm	8†	15†	200†
F214	Nóng chảy	Cross Dệt chéo	140µm	20†	18†	400†
F217	Nóng chảy	Cross Dệt chéo	170µm	20†	20†	400†

Mô tả: Sử dụng rộng rãi cho tường khô, sửa chữa các vết nứt và mối nối hoặc lỗ thủng, tấm thạch cao và các bề mặt khác.

Băng Keo Sợi Thủy Tinh Đơn



Sản phẩm	Chất dính	Dệt	Tổng độ dày (µm)	Độ bám dính ban đầu (#)	Độ bám dính bóc (N/in)	Độ bền kéo (N/in)
F312	Nóng chảy	Một sợi	120µm	12†	15†	200†
F314	Nóng chảy	Một sợi	140µm	18†	18†	300†
F315	Nóng chảy	Một sợi	150µm	20†	15†	300†
F318	Nóng chảy	Sợi đơn	180µm	26†	25	1200†

Mô tả: Được sử dụng rộng rãi cho tường khô, sửa chữa các vết nứt và mối nối hoặc lỗ thủng, tấm thạch cao và các bề mặt khác.

Băng Keo Butyl



Sản phẩm	Tổng độ dày (mm)	Độ bám dính bóc (n/mm)	Sức chịu kéo (n/mm)	Khả năng Chịu Nhiệt độ Cao (°C)	Khả năng Chịu Nhiệt độ Thấp (°C)
RA100-1	1mm	18†	230†	80°C (2 giờ không chảy)	-20°C (không nứt)

Mô tả: Chủ yếu được sử dụng để chống thấm mái, chống thấm tầng hầm, sửa chữa niêm phong

Băng Keo Mọi Thời Tiết



Sản phẩm	Vật liệu nền	Tổng độ dày (µm)	Độ dính ban đầu (#)	Độ bám dính bóc (N/in)	Độ bền kéo (N/in)	Độ giãn dài% khi đứt	Kích thước lớn
PE101	PE	150µm	8†	8†	70†	200%	1100mm X2000mm
PE103	PE	180µm	10†	9†	75†	200%	1100mm X2000mm

Mô tả: Chủ yếu được sử dụng để sửa chữa nhà kính.

Cuộn Thay Thế Tiết Kiệm



Mã sản phẩm	Keo dính	Độ dính ban đầu (#)	Kích thước lõi giấy	Biểu đồ phẳng	Vết cắt	Kích thước chuẩn
C101	Keo nóng chảy	3†	38mm			160mm X 60sheets 160mm X 90sheets
C102	Keo nóng chảy	3†	38mm			160mm X 60 tờ 160mm X 90 tờ

Ứng dụng: Làm sạch quần áo, comple, ga giường, ghế sofa, tóc trên thảm, lông thú cưng, bụi bẩn, v.v.
Feature: Paper as the substrate, coated with hot melt adhesive, strong initial adhesion, no glue residue.
Đặc điểm: Lõi giấy làm vật liệu nền, được phủ keo nóng chảy, độ bám dính ban đầu mạnh, không để lại keo dư

Cuộn Thay Thế Lớp Phủ Cao Cấp



Mã SP	Chất kết dính	Độ dính ban đầu (#)	Kích thước lõi giấy	Biểu đồ phẳng	Rãnh cắt	Kích thước tiêu chuẩn
C106	Keo nóng chảy	5†	38mm			160mmX60tờ 160mmX90tờ

Ứng dụng: Làm sạch quần áo làm việc, comple, ga giường sạch, ghế sofa, thảm, tóc, lông thú cưng, bụi, v.v.
Đặc điểm: Giấy làm vật liệu nền, được phủ keo nóng chảy, có độ dính ban đầu mạnh nhưng không để lại dư lượng keo.

Cuộn Thay Thế Dạng Xoắn



Mã	Keo	Độ dính ban đầu (#)	Kích thước lõi giấy	Biểu đồ phẳng	Đường cắt	Kích thước tiêu chuẩn
C104	Keo nóng chảy	3†	38mm			160mmX60 tờ 160mmX90 tờ
C105	Keo nóng chảy	5†	38mm			160mmX60 tờ 160mmX90 tờ

Ứng dụng: Làm sạch quần áo, comple, khăn trải giường, ghế sofa, tóc trên thảm, lông thú cưng, bụi, v.v.
Tính năng: Sử dụng giấy làm lớp nền, được phủ bằng keo nóng chảy, độ bám dính ban đầu mạnh, không để lại dư lượng keo.



Dụng Cụ Cắt Băng Keo OPP



Dụng Cụ Che Chắn Masker



Máy Hỗ Trợ Băng Keo Kích Hoạt Bằng Nước

